

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 17/11/2021  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Hữu Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Trường Hải;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà 265, tổ 1, ấp BH, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà 265, tổ 1, ấp BH, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Kim T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 02 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, bà

và ông T không còn chung sống với nhau, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với ông Nguyễn Kim T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông T có 04 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 13/7/1981; Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/5/1985; Nguyễn Thị M1, sinh ngày 05/5/1988 và Nguyễn Thị V, sinh ngày 10/8/1993. Các con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn ông Nguyễn Kim T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1976 đến năm 2020, có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 02 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Với yêu cầu xin ly hôn của bà M, ông không đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã lớn tuổi, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để chăm sóc cho nhau khi về già. Trường hợp, bà M kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà M có 04 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 13/7/1981; Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/5/1985; Nguyễn Thị M1, sinh ngày 05/5/1988 và Nguyễn Thị V, sinh ngày 10/8/1993. Các con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có yêu cầu phản tố với bà Nguyễn Thị M.

Đồng thời, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Kim T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn. Nguyên đơn bà M, bị đơn ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Kim T.

Về con chung: Ông T và bà M có 04 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 13/7/1981; Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/5/1985; Nguyễn Thị M1, sinh ngày 05/5/1988 và Nguyễn Thị V, sinh ngày 10/8/1993. Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc ly hôn đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn ông Nguyễn Kim T đang thường trú tại xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Nguyễn Kim T, nhưng ông T vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Nguyên đơn bà M, bị đơn ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Nguyễn Kim T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn.

[4] Theo biên bản xác minh tại xã AB, huyện P ngày 19 tháng 02 năm 2021 thì ông T và bà M chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa ông T và bà M thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết và không có đơn yêu cầu. Hiện tại, bà M và ông T đã sống ly thân hơn 01 năm.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Kim T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Ông T và bà M có 04 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 13/7/1981; Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/5/1985; Nguyễn Thị M1, sinh ngày 05/5/1988 và Nguyễn Thị V, sinh ngày 10/8/1993. Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Nguyễn Kim T về việc “Ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Kim T.

3. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043766 ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã Duyên Hải,  
huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình  
(Số: 02, quyền số: 01/2001, ngày 16/02/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Hữu Duyên**